|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH  Số: 50 /2018/TT-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2018* |

## THÔNG TƯ

**Ban hành các chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục**

**xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện qua cửa khẩu đường không, đường biển, đường sắt, đường bộ và cửa khẩu đường sông**

**theo quy định tại Nghị định số 59 /2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ**

#### *Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 59 /2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số* [*80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=80/2009/NĐ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=01/10/2009&eday=01/10/2009) *của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số* [*27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=27/2011/NĐ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=09/4/2011&eday=09/4/2011) *của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.*

*Căn cứ Nghị định số* [*152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=152/2013/NĐ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=04/11/2013&eday=04/11/2013) *của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số* [*152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013;*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=152/2013/NĐ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=04/11/2013&eday=04/11/2013)

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số* [*112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=112/2014/NĐ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=21/11/2014&eday=21/11/2014) *của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông theo quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định các chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu cảng biển, cửa khẩu đường hàng không, cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu biên giới đường sông và cửa khẩu đường sắt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan hải quan; công chức hải quan.

2. Người khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

#### Điều 3. Chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ

#### 1. Chỉ tiêu thông tin hướng dẫn thực hiện khai báo đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường biển thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (Phụ lục I). Bao gồm:

a) Bản khai chung;

b) Bản khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường biển;

c) Vận đơn chủ;

d) Vận đơn thứ cấp;

đ) Danh sách thuyền viên;

e) Danh sách hành khách;

g) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm;  
 i) Bản khai dự trữ của tàu;

k) Mẫu số 1: Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng;

#### 2. Các chỉ tiêu thông tin của các chứng từ khai báo đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu đường hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (Phụ lục II). Bao gồm:

a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường hàng không;

b) Thông tin về vận đơn chủ/Vận đơn thứ cấp;

c) Danh sách hành khách (Passenger List);

d) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;

đ) Thông tin về đặt chỗ của hành khách (thông tin PNR);

3. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường hàng không (Phụ lục III). Bao gồm:

a) Mẫu số 1: Bản khai hàng hóa;

b) Mẫu số 2: Thông tin vận đơn chủ;

c) Mẫu số 3: Vận đơn thứ cấp;

d) Mẫu số 4: Danh sách tổ lái, nhân viên trên tàu và hành khách;

đ) Mẫu số 5: Danh sách hành lý ký gửi;

e) Mẫu số 6: Danh sách đặt chỗ;

4. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường sắt (Phụ lục IV), bao gồm:

a) Mẫu số 1: Danh sách hành khách;

b) Mẫu số 2: Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế;

c) Mẫu số 3: Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga đường sắt liên vận quốc tế;

d) Mẫu số 4: Biên bản bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về ga liên vận nội địa;

đ) Mẫu số 5: Biên bản bàn giao hàng hóa xuất khẩu vận chuyển đến ga liên vận biên giới;

5. Mẫu chứng từ giấy để thực hiện khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu biên giới đường sông (Phụ lục V), bao gồm:

a) Mẫu số 1: Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất;

b) Mẫu số 2: Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất – tái nhập;

c) Mẫu số 3: Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập – tái xuất;

d) Mẫu số 4: Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất – tái nhập;

6. Mẫu chứng từ giấy để khai báo làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường biển: Thực hiện theo Mẫu các văn bản sử dụng trong hoạt động hàng hải ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018

2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;  - Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc Hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Tòa án Nhân dân Tối cao;  - Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;  - Công báo;  - Website Chính phủ;  - Trang tin điện tử Bộ Tài chính;  - Website Tổng cục Hải quan;  - Lưu VT; TCHQ (10). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **(đã ký)**  **Vũ Thị Mai** |